

ĐÁP ÁN ĐỀ 28

PHẦN I: Trắc nghiệm: (6 điểm)

Mỗi câu đúng đạt 07,5 điểm

Câu 1: Năm trăm linh hai phẩy bốn trăm sáu mươi bảy

Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
b	d	d	c	a	b	b	b	c

PHẦN II: Tự luận (4 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm)

$$40,8 : 12 - 2,03$$

$$= 3,4 - 2,03 = 1,37$$

Câu 2:

$$12,3 : x - 4,5 : x = 15$$

$$(12,3 - 4,5) : x = 15$$

$$7,8 : x = 15$$

$$x = 7,8 : 15$$

$$x = 0,52$$

Câu 3: (2,5 điểm)

Chiều rộng mảnh đất là: (0,25đ)

$$26 \times \frac{3}{5} = 15,6 \text{ (0,5 đ) } \quad (0,5đ)$$

Chu vi mảnh đất là (0,25đ)

$$(26 + 15,6) \times 2 = 83,2 \text{ (m) } \quad (0,5 đ)$$

b. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 2 tạ 50 kg = tạ
A. 2,50 B. 2,05 C. 250 D. 25

Câu 7 : Khoanh vào trước câu trả lời đúng: (1 điểm)

Tam giác ABC có diện tích 40 cm^2 . Chiều cao AH có độ dài 8 cm. Độ dài đáy BC của tam giác ABC là :

A. 5cm B. 10 cm C. 15 cm D. 20 cm

Câu 8: Bài toán (1 điểm)

Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 26 m, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài, trong đó diện tích đất làm nhà chiếm 62,5%. Tính diện tích đất làm nhà.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9: Bài toán (1 điểm)

Lớp 5A có 32 học sinh, trong đó số học sinh 10 tuổi chiếm 75%, còn lại là học sinh 11 tuổi. Tính số học sinh 11 tuổi của lớp học đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10: Bài toán (1 điểm)

Hai mảnh đất có diện tích bằng nhau. Mảnh thứ nhất là hình vuông có chu vi là 240 m. Mảnh thứ hai là hình tam giác có độ dài cạnh đáy là 90m. Tính chiều cao của mảnh đất hình tam giác.

.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 29

Câu 1, 2, 6 : chọn đúng mỗi ý của câu được 0,5 điểm. cụ thể như sau:

1a. **C** 1b. **D** 2a. **B** 2b. **C**; 6a. **C** 6b. **A**

Câu 3, 4 : (2 điểm) Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm, đặt tính mà tính sai không được điểm.

Câu 5 : (1 điểm)

$$\begin{array}{r} x + 18,7 = 50,5 : 2,5 \\ X + 18,7 = 20,2 \\ X = 20,2 - 18,7 \\ X = 1,5 \end{array}$$

Câu 7 : Chọn đúng câu **B** được 1 điểm.

Câu 8, 9, 10: Học sinh thực hiện được các yêu cầu sau : Lời giải và phép tính đúng mỗi phần được điểm cụ thể phía dưới; lời giải sai, phép tính đúng không tính điểm câu đó chỉ bảo lưu kết quả để tính điểm câu sau. Đơn vị sai không được điểm cả câu. Học sinh có cách giải khác phù hợp căn cứ theo cách giải để cho điểm phù hợp.

Câu 8:

Giải

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là:

$$26 : 4 = 6,5 \text{ (m)} \quad (0,25 \text{ đ})$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là :

$$26 \times 6,5 = 169 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,25 \text{ đ})$$

Diện tích đất làm nhà là :

$$169 : 100 \times 62,5 = 105,625 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,5 \text{ đ})$$

$$\text{Đáp số : } 105,625 \text{ m}^2$$

Câu 9 :

Tỉ phần trăm của số học sinh 11 tuổi là :

$$100 \% - 75 \% = 25 \% \quad (0,5 \text{ đ})$$

Số học sinh 11 tuổi là :

$$32 : 100 \times 25 = 8 \text{ (học sinh)} \quad (0,5 \text{ đ})$$

$$\text{Đáp số: } 8 \text{ học sinh}$$

Câu 10:

Cạnh mảnh đất hình vuông là:

$$240 : 4 = 60 \text{ (m)} \quad (0,25 \text{ đ})$$

Diện tích mảnh đất hình vuông là:

$$60 \times 60 = 3600 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,25 \text{ đ})$$

Chiều cao mảnh đất hình tam giác:

$$3600 \times 2 : 90 = 80 \text{ (m)} \quad (0,5 \text{ đ})$$

$$\text{Đáp số: } 80 \text{ mét}$$

Câu 8, 9, 10 Học sinh có cách giải khác phù hợp với đề bài, đúng được tính đủ điểm theo yêu cầu.

* Phụ ghi: Làm tròn điểm VD : $5,25 = 5$; $5,5 = 6$; $5,75 = 6$

ĐỀ SỐ 30

I. Trắc nghiệm: (3 điểm)

Khoanh tròn vào ý em cho là đúng.

Câu 1: Chữ số 5 trong số thập phân **12,354** có giá trị là:

- A. 5 B. 0,5 C. 0,05 D. 50

Câu 2: Số thập phân gồm: **Ba mươi hai đơn vị, tám phần mười, năm phần trăm** viết là:

- A. 3285 B. 32,85 C. 3,285 D. 328,5

Câu 3. Một hình tam giác có độ dài cạnh đáy là 6,5cm, chiều cao là 4,2cm. Diện tích của hình tam giác đó là:

- A $13,65 \text{ cm}^2$ B. $5,35 \text{ cm}^2$ C. $27,3 \text{ cm}^2$

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 4. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

$$5 \frac{6}{100} = \dots \qquad \frac{42}{10} = \dots$$

Câu 5. Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

a. $8 \text{ m}^2 4 \text{ dm}^2 = \dots \text{ m}^2$ b. $3450 \text{ cm}^2 = \dots \text{ m}^2$

Câu 6: Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

a. $56,23 + 143,6;$ b. $168,89 - 58,65;$ c. $25,4 \times 6,3;$ d. $15,12 : 3,6$

.....
...			
.....
...			
.....
...			
.....
...			
.....
...			
.....
...			
.....
...			

Câu 7: (2 điểm) Một lớp học có 18 học sinh nữ. Biết số học sinh nữ chiếm 60% số học sinh của lớp học. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh nam?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 8: (1 điểm) Tìm x, biết x là số tự nhiên và $(1,2 + 3,7) < x < (2,1 + 3,2)$

.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ 30

I. Trắc nghiệm: 3 điểm.

Học sinh khoanh đúng mỗi câu được 0,5 điểm. Kết quả là:

Câu 1	Câu 2	Câu 3
C	B	A

II. Tự luận: 7 điểm

Câu 4. Học sinh làm đúng mỗi câu 0,5 điểm

5,06: 4,2

Câu 5. Học sinh điền đúng mỗi câu 0,5 điểm

8,04 0,3450

Câu 6: 2 điểm.

- Học sinh làm đúng mỗi câu được 0,5 điểm.

- Bài làm không đặt tính mà chỉ ghi kết quả thì không tính điểm.

Kết quả mỗi câu là: a. 199,83 b. 110,24 c. 160,02 d. 4,2

Câu 7: 2 điểm.

Giải

Số học sinh cả lớp là:

$$18 : 60 \times 100 = 30 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh nam là:

$$30 - 18 = 12 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 12 học sinh

Câu 8: 1 điểm.

Ta có: $4,9 < x < 5,3$

Vậy: x nhận các giá trị là: 5

ĐỀ SỐ 31

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1: Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất:

a, Chữ số **9** trong số thập phân **2,697** có giá trị là:

- A. $\frac{9}{10}$ B. $\frac{9}{1000}$ C. $\frac{9}{100}$ D. 9

b, Viết số 20,050 dưới dạng gọn hơn là:

- A. 2,05 C. 20,05
B. 20,5 D. 20,50

Câu 2: Viết các số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

- a) 2m 5dm =m b) 4 tạ 5 yến =tạ
c) 12m^2 6dm² =m² d) 5kg 6g =kg

Câu 3: Viết các số sau:

- a) Ba mươi sáu phần mười :
b) Bốn và hai phần ba:
c) Số gồm ba đơn vị, năm phần mười :

Câu 4: Đặt tính rồi tính (1 điểm):

- | | |
|----------------------|--------------------|
| a) $425,65 + 493,13$ | b) $42,43 - 34,38$ |
| | |
| | |
| | |
| | |

PHẦN II:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$$459 : 6,8$$

.....
.....
.....
.....

$$2,36 \times 4,3$$

.....
.....
.....
.....

Bài 2: Tính giá trị biểu thức:

a, $(135,6 - 78,9) : 2,5 + 3,39 \times 3$

.....

b, $5,67 : (1,28 + 1,72) + 2015$

.....

.....
.....
.
.....

Bài 3: Có 2 can chứa dầu. Can thứ nhất chứa 19 lít dầu, can thứ 2 chứa ít hơn can thứ nhất 5 lít dầu. Biết mỗi chai chứa 0,75 lít dầu. Hỏi cần bao nhiêu chai để chứa hết số dầu của cả 2 can đó?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Tìm x biết:
 $9,6x8 > 9,688$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 31

Phần I: 3,5 điểm

Câu 1: Khoanh vào mỗi câu trả lời đúng (0,75 điểm)

Câu a	Câu b
C (0,5 điểm)	C (0,25 điểm)

Câu 2: (1 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu 3: (0,75 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu 4: (1 điểm) Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Phần II: 6 điểm.

Bài 1: 2 điểm.

Mỗi phần tính đúng được 1 điểm

Bài 2: 2 điểm.

Mỗi phần tính đúng được 1 điểm

Bài 3: 2 điểm

Bài giải

Can thứ nhất chứa số lít dầu là:

$$19 - 5 = 14 \text{ (l)}$$

Cả 2 can chứa số dầu là:

$$19 + 14 = 33 \text{ (l)}$$

Cần số chai để đựng dầu là:

$$33 : 0,75 = 44 \text{ (chai)}$$

Đáp số: 44 chai.

Bài 4: Tìm x biết:

$$9,6x8 > 9,688$$

Vậy $x = 9$.

*** Lưu ý: Toàn bài làm đúng, trình bày sạch giáo viên mới cho điểm tối đa**

ĐỀ SỐ 32

A. Phần trắc nghiệm: (3 điểm)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1) $3\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là: (1 điểm)

A. 3,900

B. 3,09

C. 3,9

D. 3,90

2) Chữ số 8 trong số thập phân 76,815 có giá trị là: (1 điểm)

A. $\frac{8}{1000}$

B. $\frac{8}{100}$

C. $\frac{8}{10}$

D. 8

3) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 24m và chiều rộng là 10m. Diện tích mảnh đất là: (1 điểm)

A. 240m

B. 204m

C. 240m²

D. 204m²

B. Phần tự luận: (7 điểm)

Bài 1: Đổi các phân số sau ra số thập phân (1 điểm)

$$\frac{3}{4} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{5}{7} = \dots\dots\dots$$

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

$$6\text{km } 23\text{dam} = \dots\dots\dots \text{ km}$$

$$4 \text{ tấn } 25\text{yến} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$$

$$2\text{m}^2 \text{ } 7\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

$$69\text{m } 5\text{cm} = \dots\dots\dots \text{ m}$$

Bài 3: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a) $4,75 \times 1,3$

b) $72,58 : 19$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: (1 điểm) Lãi suất tiết kiệm là 0,5% một tháng. Một người gửi tiết kiệm 5.000.000 đồng. Hỏi sau một tháng cả số tiền gửi và số tiền lãi là bao nhiêu?

Bài giải

.....

.....

.....

.....
.....
.....

Bài 5: (2 điểm) Một kho gạo có 537,5 tấn gạo. Người ta đã lấy ra $\frac{1}{10}$ số gạo trong kho.

Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu tấn gạo ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Hết

ĐÁP ÁN ĐỀ 32

A. Phần trắc nghiệm : Mỗi câu 1 điểm

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. B 2. C 3. C

B. Phần tự luận :

Bài 1: (1 điểm) $= 0,75$ $= 0,714$

Bài 2: (1 điểm) $6\text{km } 23\text{dam} = 6,23\text{km}$ $4\text{ tấn } 25\text{yến} = 4,25\text{ tấn}$
 $2\text{m}^2\text{ } 7\text{dm}^2 = 2,07\text{ m}^2$ $69\text{m } 5\text{cm} = 69,05\text{ m}$

Bài 3: (2 điểm)

a/ 6,175

b/ 3,82

Bài 4: (1 điểm)

Bài giải

Số tiền lãi một tháng là:

$$5000000 : 100 \times 0.5 = 25.000 (\text{đ})$$

Cả tiền gửi và tiền lãi là:

$$5.000.000 + 25.000 = 5025000 (\text{đ})$$

Đáp số: 5025000 đ

Bài 5:

Bài giải

Số gạo lấy ra là:

$$537,5 : 10 = 53,75$$

Số gạo trong kho còn lại là:

$$537,5 - 53,75 = 483,75 (\text{tấn gạo})$$

Đáp số: 483,75 tấn gạo

ĐỀ 33

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: Trong các số thập phân 423,15 phần thập phân là:

- A. 15 B. $\frac{15}{10}$ C. $\frac{15}{100}$ D. $\frac{15}{1000}$

Câu 2: Các số 5,7; 6,02; 4,23; 4,32; 5,3 được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 5,7; 6,02; 4,23; 4,32; 5,3 B. 6,02; 5,7; 5,3; 4,32; 4,23
C. 4,23; 5,3; 5,7; 6,02; 4,32 D. 4,23; 4,32; 5,3; 5,7; 6,02

Câu 3. Hình chữ nhật có chiều dài 25cm, chiều rộng 18cm. Diện tích của hình chữ nhật đó là:

- A. 43 cm B. 450 cm² C. 86cm D. 450cm

Câu 4. Mua 12 quyển vở hết 36 000 đồng. Mua 25 quyển vở như thế hết số tiền là:

- A. 75 000 đồng B. 36037 đồng C. 900 000 đồng D. 110 000 đồng

Câu 5: Tổng của hai số là 125. Số thứ nhất bằng $\frac{3}{2}$ số thứ hai. Số thứ nhất là:

- A. 25 B. 50 C. 75 D. 30

Câu 6: Trong phép chia 33,14 : 58 nếu chỉ lấy đến hai chữ số của phần thập phân của thương. Thì số dư là:

- A. 8 B. 0,8 C. 0,08 D. 0,008

B. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 7: Điền số thích hợp vào chỗ trống

$$13\text{m } 5\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m}$$

$$3\text{tấn } 25\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tấn}$$

$$6\text{m}^2 \text{ } 12\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$$

$$1805 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$$

Câu 8 : Đặt tính rồi tính

a) 457,75 + 109,18

b) 1142,45 - 674,18

.....
.....
.....

.....
.....
.....

c) 240,6 × 3,5

d) 17,55 : 3,9

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9: Một cửa hàng cả ngày bán được 450 tấn gạo, trong đó buổi sáng bán được 65% số gạo. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu tấn gạo?

Bài giải

Câu 10: Tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện nhất

$$\left(1 - \frac{1}{2}\right) \times \left(1 - \frac{1}{3}\right) \times \left(1 - \frac{1}{4}\right) \times \left(1 - \frac{1}{5}\right) \times \left(1 - \frac{1}{6}\right).$$

ĐÁP ÁN ĐỀ 33

Phần I: Trắc nghiệm (3điểm):

- Học sinh khoanh vào kết quả đúng ở mỗi câu cho 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	B	A	B	C

Phần 2 Tự luận: (7 điểm)

Câu 7: (2 điểm) Học sinh điền đúng mỗi ý cho 0,5 điểm

$$13\text{m } 5\text{dm} = 135 \text{ m}$$

$$3\text{tấn } 25\text{kg} = 3,025\text{tấn}$$

$$6\text{m}^2 \text{ } 12\text{dm}^2 = 6,12\text{m}^2$$

$$1805 \text{ m}^2 = 0, 1805\text{ha}$$

Câu 8: (2 điểm)

- Học sinh đặt tính và tính đúng mỗi ý cho 0,5 điểm

Câu 9: (2 điểm)

Bài giải

Buổi sáng cửa hàng đó bán được số gạo là:

$$450 : 100 \times 65 = 292,5 \text{ (tấn)} \quad (1 \text{ điểm})$$

Buổi chiều cửa hàng đó bán được số gạo là:

$$450 - 292,5 = 157,5 \text{ (tấn)} \quad (0,75 \text{ điểm})$$

$$\text{Đáp số: } 157,5 \text{ tấn} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Lưu ý: Học sinh giải theo cách khác và giải đúng vẫn cho điểm tối đa.

Câu 10 : (1 điểm)

$$\left(1 - \frac{1}{2}\right) \times \left(1 - \frac{1}{3}\right) \times \left(1 - \frac{1}{4}\right) \times \left(1 - \frac{1}{5}\right) \times \left(1 - \frac{1}{6}\right).$$

$$= \frac{1}{2} \times \frac{2}{3} \times \frac{3}{4} \times \frac{4}{5} \times \frac{5}{6} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

$$= \frac{1 \times \cancel{2} \times \cancel{3} \times \cancel{4} \times \cancel{5}}{\cancel{2} \times \cancel{3} \times \cancel{4} \times \cancel{5} \times 6} = \frac{1}{6} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

ĐỀ SỐ 34

PHẦN I: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

- Viết số: $\frac{5}{100}$ dưới dạng số thập phân là:
A. 0,5 B. 0,005
C. 0,05 D. 5,0
- Số thập phân có chữ số 5 ở hàng phần nghìn là:
A. 125,341 B. 513,241
C. 231,452 D. 213,345
- Số “Chín đơn vị và tám phần nghìn” viết là:
A. 9,8 B. 9,800
C. 9,008 D. 9,08
- Số lớn nhất trong các số sau là:
A. 3,445 B. 3,455
C. 3,454 D. 3,444

PHẦN II:

Câu 1: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a, $4\text{m}^28\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

b, $9\text{km}^272\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{km}^2$

Câu 2: Mua 12 quyển vở hết 18000 đồng. Hỏi mua 60 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền?

Giải:

.....
.....
.....
.....

Đáp số:

Câu 3: Tìm số tự nhiên x tròn chục sao cho:

$21,5 < x < 41,2$ $x = \dots\dots\dots$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 34

I. TRẮC NGHIỆM

1.C 2.D 3.C 4.B

II. TỰ LUẬN

- 1) a) $4m^2 8dm^2 = 4,08m^2$ b) $9km^2 72m^2 = 9,000072km^2$
2) Số tiền mua 1 quyển vở là: $18\ 000 : 12 = 1\ 500$ (đồng)
Số tiền mua 60 quyển vở là: $1\ 500 \times 60 = 90\ 000$ (đồng)
Đáp số: 90 000 đồng.
3) $x = 30$; $x = 40$

ĐỀ SỐ 35

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Phần I: Trắc nghiệm

Câu 1: Chữ số 3 trong số thập phân 465,732 thuộc hàng nào?

A. Hàng chục B. Hàng trăm C. Hàng phần mười D. Hàng phần trăm

Câu 2: Hỗn số $8\frac{25}{100}$ chuyển thành phân số được:

A. 8,25 B. 82,5 C. 8,205 D. 8,025

Câu 3 Số “Mười bảy phẩy năm mươi sáu” viết như sau:

A. 107,56 B. 17,056 C. 17,506 D. 17,56

Câu 4: Viết số 6,8 thành số có 3 chữ số phần thập phân là:

A. 6,80 B. 6,800 C. 6,8000 D. 6,080

Phần II: Tự luận

Câu 1: Tính:

a, $\frac{6}{7} + \frac{5}{7} = \dots\dots\dots$

b, $\frac{4}{9} - \frac{1}{6} = \dots\dots\dots$

c, $\frac{3}{10} \times \frac{4}{9} = \dots\dots\dots$

d, $3 : \frac{1}{2} = \dots\dots\dots$

Câu 2: Để lát nền một phòng học, người ta đã dùng hết 200 viên gạch hình vuông có cạnh 40cm. Hỏi căn phòng đó có diện tích bao nhiêu mét vuông, biết diện tích phần gạch vữa không đáng kể?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 35

I. TRẮC NGHIỆM

1.B 2.A 3.D 4.B

II. TỰ LUẬN

$$1) a) \frac{6}{7} + \frac{5}{7} = \frac{6+5}{7} = \frac{11}{7}$$

$$b) \frac{4}{9} - \frac{1}{6} = \frac{24}{54} - \frac{9}{54} = \frac{15}{54} = \frac{5}{18}$$

$$c) \frac{3}{10} \times \frac{4}{9} = \frac{3 \times 4}{10 \times 9} = \frac{1 \times 2}{5 \times 3} = \frac{2}{15}$$

$$d) 3 : \frac{1}{2} = 3 \times \frac{2}{1} = 3 \times 2 = 6$$

Câu 2. Diện tích một viên gạch là: $40 \times 40 = 1600 \text{ (cm}^2\text{)} = 0,16 \text{ m}^2$

Diện tích căn phòng là: $0,16 \times 200 = 32 \text{ (m}^2\text{)}$

Đáp số: 32 m^2

ĐỀ SỐ 36

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2015 – 2016

Môn: Toán – Lớp 5

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Phần 1:

Bài 1: Em hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Số “mười chín phẩy bốn mươi hai” viết là:

A. 109,42 B. 19,402 C. 109,402 D. 19,42

2. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm (.....): $5\text{m } 2\text{cm} = \dots \text{ m}$ là:

A. 5,2 B. 52 C. 5,02 D. 0,52

3. Hỗn số $7\frac{3}{8}$ chuyển thành phân số có kết quả là:

A. $\frac{56}{8}$ B. $\frac{58}{8}$ C. $\frac{59}{8}$ D. $\frac{57}{8}$

4. Mua 15 quyển vở hết 45000 đồng. Hỏi mua 20 quyển vở như thế hết ... đồng.

A. 50000 B. 60000 C. 70000 D. 80000

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

1) $6\text{cm}^2 \ 8\text{mm}^2 = 680 \text{mm}^2$.

2) 6 tấn 203kg = 6,203 tấn.

3) Biết $0,9 < x < 1,7$. Vậy số tự nhiên x là 1.

Phần 2:

Bài 1: Tìm X:

$$a) X + \frac{3}{7} = \frac{8}{9}$$

$$b) \frac{4}{9} \times X = \frac{15}{27}$$

Bài 2: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5m 35cm =m

b) 4 tấn 365 kg = tấn.

c) 35 ha = km²

d) 500g = Kg

Bài 3: Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 81m, chiều dài bằng $\frac{5}{4}$ chiều

rộng. Người ta sử dụng $\frac{4}{5}$ diện tích mảnh đất để làm nhà, diện tích còn lại để làm sân.

Tính diện tích phần làm sân đó ?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 36

Phần 1

Bài 1. 1D 2C 3C 4B

Bài 2. 1S 2Đ 2Đ

Phần 2

$$1) a) x + \frac{3}{7} = \frac{8}{9}$$

$$x = \frac{8}{9} - \frac{3}{7}$$

$$x = \frac{56}{63} - \frac{27}{63}$$

$$x = \frac{29}{63}$$

$$\frac{4}{9} \times x = \frac{15}{27}$$

$$x = \frac{15}{27} : \frac{4}{9}$$

$$x = \frac{15}{27} \times \frac{9}{4}$$

$$x = \frac{135}{108}$$

$$x = \frac{5}{4}$$

Đáp án bài 3

Tóm tắt bằng sơ đồ

Tổng số phần bằng nhau: 5+4 = 9 (phần)

Chiều dài là: 81:9x5 = 45 (m)

Chiều rộng là : 81 – 45 = 36 (m)

Diện tích mảnh vườn: 45 x 36 = 1620 (m²)

Diện tích làm sân: 1620 – (1620x4/5)=324 (m²)

ĐỀ SỐ 37
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2015 – 2016

Môn: Toán– Lớp 5

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Bài 1. Đọc các số thập phân sau:

- a) 5,71 m²:
- b) 98,408 tạ:

Bài 2. Viết số thập phân sau:

- a) Ba trăm linh năm đơn vị và bốn mươi hai phần trăm:
- b) Hai chục, bốn đơn vị, tám phần trăm:

Bài 3. Đúng ghi Đ, Sai ghi S vào ô trống:

- a. $7 \text{ m}^2 24 \text{ dm}^2 = 724 \text{ dm}^2$ b. $81 \text{ ha} > 90000 \text{ m}^2$
- c. $5 \text{ m}^2 7 \text{ dm}^2 = 5 \frac{7}{10} \text{ m}^2$ d. $15 \text{ cm}^2 = 1 500 \text{ mm}^2$

Bài 4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Chữ số 5 trong số 20,571 có giá trị là:

- A. 5 B. 500 C. $\frac{5}{10}$ D. $\frac{5}{100}$

b) $4\frac{3}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,43 B. 4,3 C. 4,03 D. 4,003

c) Phân số nào là phân số thập phân:

- A. $\frac{3}{7}$ B. $\frac{4}{10}$ C. $\frac{100}{34}$ D. $\frac{10}{200}$

d/ Số bé nhất trong các số là: 4,35 ; 4,045 ; 4,354 ; 4,4

- A. 4,35 B. 4,045 C. 4,345 D. 4,4

Bài 5. Tính :

$$\frac{5}{6} + \frac{1}{3} = \dots\dots\dots$$

Bài 6. Tìm y, biết:

- a) $y + \frac{3}{4} = \frac{13}{8}$ b) $y \times \frac{3}{4} = \frac{9}{40}$

Bài 7. Mua 15 quyển sách toán hết 135 000 đồng. Hỏi mua 45 quyển sách toán hết bao nhiêu tiền ?